TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thái Nguyên, ngày 17 tháng 02 năm 2020

ĐIỂM THI

PHẦN II: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ ĐCS VÀ LỊCH SỬ ĐCS VIỆT NAM

LỚP TCLLCT-HC HỆ TẬP TRUNG KHÓA 8, TẠI ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
1	Phạm Hoàng Anh	1	60	7.5	*Bảy rưỡi*	
2	Trần Thanh Công	2	52	7.0	*Bảy*	
3	Lý Thị Kim Cúc	3	67	7.5	*Bảy rưỡi*	
4	Đào Thị Cúc	4	40	7.5	*Bảy rưỡi*	
5	Hà Thị Kim Dung	5	38	7.5	*Bảy rưỡi*	
6	Nguyễn Phi Dũng	6	59	7.0	*Bảy*	
7	Đặng Thị Duyên	7	56	7.0	*Bảy*	
8	Đoàn Xuân Đăng	8	57	7.5	*Bảy rưỡi*	
9	Nguyễn Thị Thu Hà	9	07	7.5	*Bảy rưỡi*	
10	Dương Thị Hải Hà	10	19	7.0	*Bảy*	
11	Hoàng Thị Hà	11	22	7.0	*Bảy*	
12	Nguyễn Thị Hà	12	44	7.5	*Bảy rưỡi*	
13	Vũ Thị Thu Hằng	13	36	7.5	*Bảy rưỡi*	
14	Đoàn Thị Hằng	14	32	7.5	*Bảy rưỡi*	
15	Nguyễn Thị Lệ Hằng	15	64	7.5	*Bảy rưỡi*	
16	Hoàng Thị Hiền	16	17	8.0	*Tám*	
17	Nguyễn Bá Hợi	17	31	8.0	*Tám*	
18	Nguyễn Thị Huê	18	34	7.0	*Bảy*	
19	Nguyễn Thị Huệ	19	46	8.0	*Tám*	
20	Nguyễn Quốc Hưng	20	45	7.0	*Bảy*	
21	Mai Thanh Hương	21	62	8.0	*Tám*	
22	Nguyễn Thị Thu Hương	22	21	7.5	*Bảy rưỡi*	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
23	Nguyễn Thị Hương	23	43	7.0	*Bảy*	
24	Nguyễn Thị Thư Hương	24	54	7.5	*Bảy rưỡi*	
25	Hoàng Thị Thanh Hương	25	58	8.5	*Tám rưỡi*	
26	Nguyễn Văn Huyên	26	51	7.0	*Bảy*	
27	Trần Thị Huyền	27	12	7.5	*Bảy rưỡi*	
28	Trần Thị Hương Lan	28	04	7.0	*Bảy*	
29	Mông Chí Len	29	13	7.5	*Bảy rưỡi*	
30	Mạc Thùy Liên	30	09	7.5	*Bảy rưỡi*	
31	Hoàng Thị Mai	31	42	7.0	*Bảy*	
32	Nguyễn Thị Mai	32	06	8.0	*Tám*	
33	Hoàng Thị Phương Mai	33	14	8.0	*Tám*	
34	Đỗ Thị Mai	34	24	7.5	*Bảy rưỡi*	
35	Khổng Văn Mạnh	35	05	7.5	*Bảy rưỡi*	
36	Nguyễn Ngọc Minh	36	50	8.0	*Tám*	
37	Hoàng Thị Minh	37	66	7.5	*Bảy rưỡi*	
38	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	38	30	8.0	*Tám*	
39	Nguyễn Thị Kim Ngân	39	55	7.0	*Bảy*	
40	Hoàng Thị Tuyết Nhung	40	41	7.5	*Bảy rưỡi*	
41	Phạm Thị Kim Oanh	41	15	7.5	*Bảy rưỡi*	
42	Phùng Thị Quyên	42	39	7.5	*Bảy rưỡi*	
43	Ma Tiến Quyền	43	33	7.0	*Bảy*	
44	Nguyễn Thị Như Quỳnh	44	11	8.0	*Tám*	
45	Nguyễn Văn Quỳnh	45	08	7.0	*Bảy*	
46	Ma Thị Tế	46	18	7.5	*Bảy rưỡi*	
47	Nguyễn Trung Thành	47	35	7.0	*Bảy*	
48	Nguyễn Thị Kim Thoa	48	27	8.0	*Tám*	
49	Ma Thị Thoa	49	53	7.5	*Bảy rưỡi*	
50	Nguyễn Thị Thu	50	63	7.5	*Bảy rưỡi*	
51	Nguyễn Thị Thanh Thủy	51	10	7.0	*Bảy*	
52	Nguyễn Trung Tiến	52	16	7.0	*Bảy*	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
53	Trần Thanh Toàn	53	65	7.5	*Bảy rưỡi*	
54	Nguyễn Thị Huyền Trang	54	26	7.0	*Bảy*	
55	Nguyễn Thị Thu Trang	55	20	8.0	*Tám*	
56	Dương Thị Thu Trang	56	47	7.0	*Bảy*	
57	Nguyễn Thị Truyền	57	29	7.5	*Bảy rưỡi*	
58	An Thị Thanh Tú	58	37	7.0	*Bảy*	
59	Đào Thanh Tùng	59	28	8.0	*Tám*	
60	Hầu Thị Tuyết	60	02	7.0	*Bảy*	
61	Phạm Thị Vân	61	03	7.5	*Bảy rưỡi*	
62	Nguyễn Thị Vân	62	01	8.0	*Tám*	
63	Nguyễn Thị Bằng Vân	63	61	8.0	*Tám*	
64	Lê Công Vĩ	64	23	7.0	*Bảy*	
65	Nguyễn Anh Vũ	65	49	7.0	*Bảy*	
66	Hoàng Thị Hải Yến	66	25	7.5	*Bảy rưỡi*	
67	Phạm Thị Hải Yến	67	48	7.0	*Bảy*	

PHÒNG QLĐT&NCKH TRƯỞNG PHÒNG	KHOA XDĐ TRƯỞNG KHOA	K/T HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Phúc Ái	Ngô Thị Hồng Nhung	Phạm Minh Chuyên